

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 / 3 / 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh H;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Bình C, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 19/41, đường S, tổ 12, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Cao Thị Cẩm H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 19/41, đường S, tổ 12, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông Lương Bình C có mặt; bà Cao Thị Cẩm H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Bình C trình bày: Ông C và bà H tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bà H đi làm xa và đến tháng 8/2018, ông C phát hiện bà

H cò bạc và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Tình cảm không còn, ông C yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung tên Lương Cao Chấn H, sinh ngày 18/01/2000 (đã trưởng thành) và Lương Thành D, sinh ngày 06/6/2009. Ông C yêu cầu nuôi cháu Danh và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của bà H nhận thay và cam kết thông báo lại cho bà H biết nhưng bà H vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

*** Tại phiên tòa**

- Ý kiến nguyên đơn: Ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà H và xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa ông C và bà H do tìm hiểu và có đăng ký kết nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bà H đi làm thuê, không thường xuyên sinh sống tại địa phương, không phụ giúp nuôi con; thỉnh thoảng về thăm nhà nhưng những lần về đều xảy ra cự cãi với ông C. Ngoài ra, theo lời khai của bà Mai Thị U, hiện H đang chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Từ đó cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc ông C yêu cầu ly hôn bà H là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Lương Cao Chấn H, sinh ngày 18/01/2000 (đã trưởng thành) và Lương Thành D, sinh ngày 06/6/2009 hiện do C nuôi dạy, cuộc sống đã ổn định, em Danh cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, việc ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Từ những nhận định trên căn cứ theo quy định tại các Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Ông Lương Bình C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Cao Thị Cẩm H. Đồng thời, bà H cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn bà Cao Thị Cẩm H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Bình C và bà Cao Thị Cẩm H từ tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/02/1999, giấy chứng nhận kết hôn số 06/KH/99, quyền số 01/P7 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo ông C trình bày nguyên nhân ông C yêu cầu ly hôn với bà H là do bà H đi làm xa và đến tháng 8/2018, ông C phát hiện bà H cờ bạc và hiện chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 26/02/2019, đại diện Văn phòng khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc cho biết bà H đi làm thuê ở Vũng Tàu nên không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú. Đồng thời, những lần bà H về thăm gia đình thì giữa bà H và ông C thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc nên từ khoảng đầu năm 2018 đến nay bà H không còn về thăm nhà nữa.

Bên cạnh đó, bà Mai Thị U là mẹ ruột H và có nơi cư trú với bà H xác định trong thời gian chung sống, C và H phát sinh mâu thuẫn và hiện nay H đã sống chung như vợ chồng với người đàn ông khác. Do đó, tình cảm không còn nên H cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông C.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ sống thủy chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, trong cuộc sống chung giữa ông C và bà H phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn. Đồng thời, hiện H đang sống chung

với người đàn ông khác và người thân của H cũng xác định tình cảm của H đối với C không còn, H cũng đồng ý ly hôn C. Do đó, hôn nhân của ông C và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên việc ông C yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng C – H có 02 con chung tên Lương Cao Chấn H, sinh ngày 18/01/2000 (đã trưởng thành) và Lương Thành D, sinh ngày 06/6/2009 hiện đang sống cùng với ông C. Ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Danh và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/02/2019, bà Mai Thị U là mẹ ruột của bà H xác định có nhận tất cả các văn bản tố tụng tổng đạt cho bà H nhưng do bà H đi làm xa nên không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án và H cũng đồng ý giao cháu Danh cho ông C nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, ngày 27/02/2019, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Danh và cháu có nguyện vọng được sống với cha. Cuộc sống của cháu Danh đã ổn định, để đảm bảo điều kiện sống tốt cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao cháu Danh cho ông C tiếp tục nuôi dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Ông Lương Bình C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Cao Thị Cẩm H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông C đã nộp. Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Bình C.

[1] Về hôn nhân: Ông Lương Bình C được ly hôn với bà Cao Thị Cẩm H.

[2] Về con chung:

Ông Lương Bình C được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lương Thành D, sinh ngày 06/6/2009. Bà Cao Thị Cẩm H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lương Bình C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Cao Thị Cẩm H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Ông Lương Bình C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007659 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông C đã nộp đủ án phí.

- Bà Cao Thị Cẩm H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Ông Lương Bình C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Cao Thị Cẩm H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- UBND phường 7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thanh Ngọc